

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2022.

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Đoàn Hạnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Thanh Tuấn**

Bà Nguyễn Thị Thùy

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Trọng Thắng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Đ, huyện L, tỉnh LĐ.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn VK, xã H Đ, huyện LH, tỉnh LĐ.

(Tại phiên tòa chị Hoàng Thị H có mặt, anh Nguyễn Văn T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị **Hoàng Thị H** trình bày: Chị **Hoàng Thị H** xây dựng gia đình với anh **Nguyễn Văn T** vào năm 2012, trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà vào ngày 25/12/2012. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị chỉ hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung, không khí gia đình luôn căng thẳng nặng nề. Anh chị đã sống ly thân được vài tháng nay. Nay chị H xác định không thể chung sống với anh T được nữa, do tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung của vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh Trang, sinh ngày 31/10/2013. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận giải quyết nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị H không có yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với chị Hoàng Thị H vào năm 2012, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà vào ngày 25/12/2012. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm với nhau, vợ chồng không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, khi làm ăn có tiền thì vợ vui vẻ, còn làm ăn khó khăn thì vợ chồng lại cãi nhau, không quan tâm đến công việc của nhau. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh T xác định anh chị không thể chung sống với nhau được nữa, anh níu kéo cũng không được và anh cũng không níu kéo nhưng anh không đồng ý ký giấy thỏa thuận ly hôn mà anh yêu cầu Tòa án xử đơn phương cho chị H ly hôn để chị H có cuộc sống mới theo nguyện vọng của chị H.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh Trang, sinh ngày 31/10/2013. Vì công việc của anh T hay đi làm xa, thường xuyên vắng nhà điều kiện nuôi con có khó khăn hơn chị H và con anh là con gái nên khi ly hôn anh T đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con mà anh T làm có thì anh T sẽ cho con trong khả năng của anh. Sau này ổn định hơn nếu chị H nuôi con không tốt thì anh T sẽ thay đổi người trực tiếp nuôi con sau.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T xác định có nợ bà Đào Thị Lan là mẹ ruột anh T cư

trú tại thôn Mỹ Hà, xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà số tiền là 40.000.000 đồng; nợ bà Nguyễn Thị Hoa (Đại lý Hoa Châu), thôn Lâm Bô, xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà số tiền là 80.000.000 đồng; nợ ông bà Mai Dũng, cư trú tại thôn Mỹ Hà, xã Hoài Đức, Lâm Hà số tiền là 6.000.000 đồng. Số tiền này anh T vay để đầu tư phát triển kinh tế gia đình nhưng khi vay chỉ có một mình anh T ký vay, chị H không ký và không biết. Khi ly hôn anh T nhận trả toàn bộ số nợ này, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh T không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị H. Giao con là Nguyễn Thị Quỳnh Trang, sinh ngày 31/10/2013 cho chị H có trách nhiệm nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Các vấn đề khác không đặt ra để xem xét giải quyết. Buộc chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng anh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012, trên cơ sở tình nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà vào ngày 25/12/2012 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tại phiên tòa, chị H xác định quá

trình chung sống anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau còn trong lời khai của mình anh T xác định do kinh tế khó khăn nên vợ chồng hay cãi nhau, không quan tâm đến công việc của nhau nhưng anh T không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T phát sinh đã lâu ngày, nguyên nhân là do anh chị không tìm được tiếng nói chung trong gia đình nên thường hay xung đột, kinh tế gia đình khó khăn nhưng vợ chồng lại không thống nhất được với nhau trong việc chi tiêu, quản lý kinh tế nên hai bên xung đột. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên về đoàn tụ nhưng chị H xác định đến nay mâu thuẫn hai bên đã trầm trọng, anh chị không thể chung sống với nhau được nữa nên chị H không đồng ý quay về đoàn tụ còn anh T xác định anh chị không thể chung sống với nhau được nữa, anh cũng không níu kéo nhưng anh không đồng ý ly hôn. Vì vậy, nếu kéo dài mối quan hệ như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị H và anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh Trang, sinh ngày 31/10/2013. Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân đến nay thì con ở với chị H, cháu Nguyễn Thị Quỳnh Trang cũng trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Đồng thời, trong lời khai của mình anh T cũng xác định công việc của anh T hay đi làm xa, điều kiện nuôi con có khó khăn và con anh là con gái nên khi ly hôn anh T đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao con là con chung là Nguyễn Thị Quỳnh Trang cho chị H có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là phù hợp.

[4] *Về việc cấp dưỡng nuôi con*: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Chị H xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Còn anh T xác định có nợ bà Đào Thị Lan số tiền là 40.000.000 đồng; nợ bà

Nguyễn Thị Hoa (Đại lý Hoa Châu) số tiền là 80.000.000 đồng; nợ ông Vương Xuân Dũng (Mai Dũng) số tiền là 6.000.000 đồng. Khi ly hôn anh T nhận trả toàn bộ số nợ này, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho các chủ nợ biết nhưng bà Đào Thị Lan và bà Nguyễn Thị Hoa không có ý kiến gì gửi đến Tòa án, còn ông Vương Xuân Dũng trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: Buộc chị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227 và Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoàng Thị H, xử cho chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con là Nguyễn Thị Quỳnh Trang, sinh ngày 31/10/2013 cho chị Hoàng Thị H có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hoàng Thị

H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền 0003321 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị Hoàng Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/8/2022) chị Hoàng Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Đoàn Hạnh Trang